SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO BẮC NINH
**TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH**

Số: 627/QĐ-CĐSPBN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công nhận trúng tuyển nhập học Cao đẳng vừa làm vừa học ngành Giáo dục Mầm non năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

*Căn cứ Quyết định số 109/QĐ/TTg ngày 24/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT- BGDĐT ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Cao đẳng;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;*

*Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;*

*Căn cứ kết quả thí sinh trúng tuyển đến nhập học đợt 1, 2, 3, 4, 5 năm 2022;*

*Căn cứ vào Quyết định số 595/QĐ-CĐSPBN ngày 14/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh về việc xóa tên đối với sinh viên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 62 thí sinh trúng tuyển sinh đợt 1, 2, 3, 4, 5 năm 2022 là sinh viên hệ cao đẳng vừa làm vừa học ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh *(có danh sách kèm theo)*.

**Điều 2.** Các ông (bà) Lãnh đạo trường, trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều2;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T. BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

**TS. Nguyễn Hữu Tuyến**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC CAO ĐẲNG VLVH NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2022

*(Kèm theo QĐ số 627 ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh)*

Mã ngành: 51140201; Tên ngành: Giáo dục Mầm non

| STT | Đợt xét tuyển (*) | Phương thức xét tuyển (*) | Mã HS | Số CMND | Họ tên (*) | | Ngày sinh (*) | Giới tính (*) | Mã Tỉnh (*) | Mã Quận/ Huyện (*) | Khu vực ưu tiên (*) | Đối tượng ưu tiên | Điểm xét tuyển (thí sinh) (*) | Mức điểm trúng tuyển (ngành) (*) | Học lực lớp 12 (*) | ĐTB TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 9 | HB | 01 | 125937914 | Vương Thị | Chỉ | 12/12/2002 | Nữ | 19 | 06 | 3 | | 22.3 | 19.5 | Khá | |
| 2 | 9 | HB | 02 | 0273020050089 | Đặng Quỳnh | Phương | 08/11/2002 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 23.3 | 19.5 | Khá | |
| 3 | 9 | HB | 03 | 027198010658 | Nguyễn Thị | Nhàn | 22/10/1998 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 23.1 | 19.5 | Khá | |
| 4 | 9 | HB | 04 | 027197002810 | Nguyễn Thị Thùy | Dung | 29/11/1997 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 24.4 | 19.5 | Khá | |
| 5 | 9 | HB | 07 | 040199023375 | Trần Thị Kim | Oanh | 10/02/1999 | Nữ | 19 | 05 | 1 | | 21.9 | 19.5 | Khá | |
| 6 | 9 | HB | 09 | 034198003435 | Bùi Thị | Duyên | 07/4/1998 | Nữ | 26 | 04 | 2NT | | 23.8 | 19.5 | Khá | |
| 7 | 9 | HB | 12 | 027196012253 | Nguyễn Thị | Huyền | 10/3/1996 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 21.5 | 19.5 | Khá | |
| 8 | 9 | HB | 13 | 027302000210 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | 08/11/2002 | Nữ | 19 | 04 | 2NT | | 24.0 | 19.5 | Giỏi | |
| 9 | 9 | HB | 14 | 027304002504 | Nguyễn Thị Trà | My | 11/9/2004 | Nữ | 19 | 04 | 2NT | | 23.5 | 19.5 | Khá | |
| 10 | 9 | HB | 15 | 027304009414 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 29/12/2004 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 23.6 | 19.5 | Khá | |
| 11 | 9 | HB | 16 | 027187005050 | Đào Thị | Thành | 20/10/1987 | Nữ | 19 | 04 | 2NT | | 20.5 | 19.5 | Khá | |
| 12 | 9 | HB | 18 | 027303007819 | Nghiêm Thị | Minh | 08/7/2003 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 24.2 | 19.5 | Khá | |
| 13 | 9 | HB | 19 | 027303003515 | Nguyễn Thị | Huyền | 28/01/2003 | Nữ | 19 | 04 | 2NT | | 23.8 | 19.5 | Khá | |
| 14 | 9 | HB | 20 | 042192003071 | Lê Thị | Thanh | 21/12/1992 | Nữ | 18 | 09 | 2NT | | 21.5 | 19.5 | Khá | |
| 15 | 9 | HB | 21 | 24194002383 | Hoàng Thị | Hằng | 11/7/1994 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 20.9 | 19.5 | Khá | |
| 16 | 9 | HB | 22 | 027304004026 | Tô Thị | Sơn | 08/10/2004 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 24.0 | 19.5 | Khá | |
| 17 | 9 | HB | 23 | 027304010602 | Nguyễn Mai | Xuân | 12/3/2004 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 23.3 | 19.5 | Khá | |
| 18 | 9 | HB | 25 | 027304001724 | Nguyễn Như | Quỳnh | 23/8/2004 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 23.4 | 19.5 | Khá | |
| 19 | 9 | HB | 26 | 125471307 | Nguyễn Thị | Xuyến | 03/9/1991 | Nữ | 19 | 03 | 2NT | | 20.4 | 19.5 | Khá | |
| 20 | 9 | HB | 28 | 027301005014 | Hoàng Thị | Linh | 22/9/2001 | Nữ | 19 | 02 | 2 | | 24.4 | 19.5 | Giỏi | |
| 21 | 9 | HB | 29 | 027301009963 | Trần Thị Kim | Yến | 13/08/2001 | Nữ | 24 | 06 | 2NT | | 22.3 | 19.5 | Khá | |
| 22 | 9 | HB | 30 | 027188010762 | Nguyễn Thị Thu | Hiền | 15/02/1988 | Nữ | 19 | 01 | 2NT | | 21.6 | 19.5 | Khá | |

| STT | Đợt xét tuyển (*) | Phương thức xét tuyển (*) | Mã HS | Số CMND | Họ tên (*) | | Ngày sinh (*) | Giới tính (*) | Mã Tỉnh (*) | Mã Quận/ Huyện (*) | Khu vực ưu tiên (*) | Đối tượng ưu tiên | Điểm xét tuyển (thí sinh) (*) | Mức điểm trúng tuyển (ngành) (*) | Học lực lớp 12 (*) | ĐTB TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | 9 | HB | 31 | 027304010996 | Nguyễn Thanh | Huyền | 19/4/2004 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 20.5 | 19.5 | Khá | |
| 24 | 9 | HB | 32 | 027304001699 | Nguyễn Thị Thu | Phương | 28/6/2004 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 23.4 | 19.5 | TB | 6.76 |
| 25 | 9 | HB | 34 | 038303017218 | Phạm Thị Thanh | Thể | 02/3/2003 | Nữ | 28 | 22 | 2NT | | 27.3 | 19.5 | Giỏi | |
| 26 | 10 | HB | 35 | 027304004013 | Dương Thị Thu | Hiền | 24/10/2004 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 23.4 | 19.5 | Khá | |
| 27 | 10 | HB | 37 | 027304004033 | Lương Thị Diễm | Quỳnh | 16/12/2004 | Nữ | 19 | 07 | 2NT | | 23.6 | 19.5 | Khá | |
| 28 | 10 | HB | 38 | 027190003325 | Vương Thị | Láng | 16/6/1990 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 21.2 | 19.5 | Khá | |
| 29 | 10 | HB | 40 | 024302012879 | Lê Thị | Hảo | 05/11/2002 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 26.1 | 19.5 | Giỏi | |
| 30 | 10 | HB | 41 | 125613769 | Bùi Thị | Huyền | 04/02/1995 | Nữ | 19 | 08 | 2NT | | 20.7 | 19.5 | Khá | |
| 31 | 10 | HB | 42 | 008303001673 | Hà Thị | Thu | 10/4/2003 | Nữ | 09 | 07 | 1 | | 24.7 | 19.5 | Khá | |
| 32 | 10 | HB | 43 | 038300000708 | Trần Thị | Hoa | 09/12/2000 | Nữ | 28 | 21 | 2NT | | 25.3 | 19.5 | Giỏi | |
| 33 | 10 | HB | 45 | 027304007763 | Lê Thị Phương | Thảo | 07/7/2004 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 24.1 | 19.5 | Giỏi | |
| 34 | 10 | HB | 46 | 027190001169 | Phạm Thị | Thủy | 20/8/1990 | Nữ | 19 | 04 | 2NT | | 20.8 | 19.5 | Khá | |
| 35 | 10 | HB | 47 | 027199009123 | Nguyễn Thị | Hà | 11/01/1999 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 21.9 | 19.5 | Khá | |
| 36 | 10 | HB | 48 | 027304003674 | Nguyễn Hồng | Thế | 10/10/2004 | Nữ | 19 | 05 | 2 | | 23.1 | 19.5 | Khá | |
| 37 | 10 | HB | 49 | 027190003598 | Nguyễn Thị | Hào | 11/9/1990 | Nữ | 19 | 05 | 2 | | 20.0 | 19.5 | Khá | |
| 38 | 10 | HB | 50 | 027188003326 | Ngô Thị | Hằng | 07/11/1988 | Nữ | 19 | 05 | 2 | | 22.8 | 19.5 | Khá | |
| 39 | 10 | HB | 51 | 001199013047 | Lê Thị | Duyên | 31/3/1999 | Nữ | 01 | 14 | 2NT | | 25.1 | 19.5 | Giỏi | |
| 40 | 10 | HB | 52 | 027199000930 | Nguyễn Thị | Thúy | 12/02/1999 | Nữ | 19 | 05 | 2 | | 22.1 | 19.5 | Khá | |
| 41 | 10 | HB | 53 | 027302001701 | Đỗ Thị | Huyền | 18/3/2002 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 22.6 | 19.5 | Khá | |
| 42 | 10 | HB | 55 | 027188004520 | Nguyễn Thị Thanh | Loan | 25/6/1988 | Nữ | 19 | 03 | 2NT | | 21.0 | 19.5 | Khá | |
| 43 | 10 | HB | 56 | 027199006576 | Đỗ Thị | Mai | 01/12/1999 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 23.7 | 19.5 | Khá | |
| 44 | 10 | HB | 57 | 027300004968 | Đỗ Thị | Liên | 07/6/2000 | Nữ | 19 | 02 | 2 | | 23.9 | 19.5 | Khá | |
| 45 | 10 | HB | 58 | 027303005628 | Nguyễn Thị Thảo | My | 30/9/2003 | Nữ | 19 | 07 | 2NT | | 23.3 | 19.5 | Khá | |
| 46 | 10 | HB | 59 | 027187007875 | Hoàng Thị | Hiệp | 07/10/1987 | Nữ | 19 | 03 | 2NT | | 20.0 | 19.5 | Khá | |
| 47 | 10 | HB | 60 | 027197007248 | Mẫn Thị | Hoa | 09/8/1997 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 24.8 | 19.5 | Giỏi | |
| 48 | 10 | HB | 62 | 017301006783 | Bùi Thị | Yên | 20/4/2001 | Nữ | 19 | 01 | 1 | | 21.1 | 19.5 | Khá | |
| 49 | 10 | HB | 63 | 121847136 | Nguyễn Thị | Vân | 20/5/1988 | Nữ | 18 | 09 | 2NT | | 23.7 | 19.5 | Khá | |
| 50 | 10 | HB | 64 | 027194012091 | Nguyễn Thị | Hạt | 01/6/1994 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 23.0 | 19.5 | Khá | |
| 51 | 11 | HB | 65 | 027196001822 | Trần Thị | Hạnh | 14/4/1996 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 24.1 | 19.5 | Khá | |
| 52 | 11 | HB | 66 | 027197001817 | Đào Thùy | Dương | 19/6/1997 | Nữ | 19 | 02 | 2 | | 24.05 | 19.5 | Khá | |

| STT | Đợt xét tuyển (*) | Phương thức xét tuyển (*) | Mã HS | Số CMND | Họ tên (*) | | Ngày sinh (*) | Giới tính (*) | Mã Tỉnh (*) | Mã Quận/ Huyện (*) | Khu vực ưu tiên (*) | Đối tượng ưu tiên | Điểm xét tuyển (thí sinh) (*) | Mức điểm trúng tuyển (ngành) (*) | Học lực lớp 12 (*) | ĐTB TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 53 | 11 | HB | 67 | 027304011895 | Trần Thị | Thảo | 29/9/2004 | Nữ | 19 | 02 | 2 | | 27.75 | 19.5 | Giỏi | |
| 54 | 11 | HB | 68 | 027199000909 | Nguyễn Thị Thanh | Mai | 09/9/1999 | Nữ | 19 | 05 | 2 | | 24.95 | 19.5 | Giỏi | |
| 55 | 11 | HB | 69 | 027195007715 | Trần Thị | Hà | 18/10/1995 | Nữ | 19 | 02 | 2NT | | 24 | 19.5 | Khá | |
| 56 | 11 | HB | 70 | 027193027605 | Nguyễn Thị | Ngọc | 06/5/1993 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 21.95 | 19.5 | Khá | |
| 57 | 11 | HB | 71 | 027304000681 | Nguyễn Thị Thúy | Hường | 08/7/2004 | Nữ | 19 | 01 | 2 | | 20.35 | 19.5 | Khá | |
| 58 | 11 | HB | 73 | 027183003244 | Nguyễn Thị | Mai | 14/9/1983 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 21.1 | 19.5 | Khá | |
| 59 | 12 | HB | 74 | 001190033909 | Trần Lệ | Xuân | 30/01/1990 | Nữ | 19 | 06 | 2NT | | 20.9 | 19.5 | Khá | |
| 60 | 12 | HB | 75 | 024195008724 | Trần Thị Ngân | Thanh | 14/6/1995 | Nữ | 19 | 01 | 1 | | 25.35 | 19.5 | Giỏi | |
| 61 | 12 | HB | 76 | 121977377 | Nguyễn Thị | Hiền | 10/02/1990 | Nữ | 18 | 05 | 2NT | | 20.1 | 19.5 | Khá | |
| 62 | 12 | HB | 77 | 027187005501 | Phan Thị | Khơi | 04/9/1987 | Nữ | 19 | 03 | 2NT | | 21.4 | 19.5 | Khá | |

*(Danh sách gồm 62 thí sinh)*

*Bắc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

**CHỦ TỊCH HĐTS - HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

**TS. Nguyễn Hữu Tuyến**